

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG TRỊ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 11a/2007/QĐ-UBND

Đông Hà, ngày 06 tháng 8 năm 2007

QUYẾT ĐỊNH

**Về quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị
đối với các cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập thuộc tỉnh**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 01/2002/QH11 ngày 16 tháng 12 năm 2002;

Căn cứ Thông tư số 23/2007/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2007 của Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí, chế độ hội nghị đối với các cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập trong cả nước;

Căn cứ Công văn số 79/TTHĐND-TH ngày 27 tháng 6 năm 2007 của Thường trực HĐND tỉnh về việc Quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị đối với các cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập thuộc tỉnh,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị đối với các cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập thuộc tỉnh quản lý, như sau:

1. Chế độ công tác phí

1.1. Phụ cấp lưu trú

- Đi công tác vùng trung du, đồng bằng trong nội tỉnh có khoảng cách từ 10 km trở lên:
 - + Vùng đồng bằng: 25.000 đồng/ngày/người
 - + Vùng trung du: 30.000 đồng/ngày/người
- Đi công tác vùng sâu, biên giới, hải đảo:
 - + Khu vực I: 40.000 đồng/ngày/người
 - + Khu vực II: 45.000 đồng/ngày/người
 - + Khu vực III: 50.000 đồng/ngày/người

Các khu vực I, II, III được quy định tại Quyết định số 42/QĐ-UBND ngày 23 tháng 5 năm 1997 và Quyết định số 26/1998/QĐ-UBND ngày 18 ngày 3 tháng 1998 của Ủy ban Dân tộc Miền núi (Danh sách kèm theo).

- Đi công tác ngoài tỉnh tối đa: 70.000 đồng/ngày/người;

Trường hợp đi công tác trong ngày (Đi và về trong ngày) được thanh toán bằng 70% tương ứng với từng khu vực và phải được quy định trong quy chế chi tiêu nội bộ của đơn vị.

1.2. Thanh toán tiền thuê phòng nghỉ tại nơi đến công tác

Người được cơ quan, đơn vị cử đi công tác được thanh toán tiền thuê chỗ nghỉ theo phương thức thanh toán khoán theo quy chế chi tiêu nội bộ nhưng không vượt các mức như sau:

- Đối với thành phố Hà Nội, Hồ Chí Minh: 150.000 đồng/ngày/người;
- Đối với các tỉnh, thành phố khác: 140.000 đồng/ngày/người;
- Đối với các huyện trực thuộc tỉnh và thị xã Quảng Trị: 80.000 đồng/ngày/ người;

- Đi công tác các vùng còn lại: 40.000 đồng/ngày/người;
- Trường hợp mức khoán nêu trên không đủ thuê chỗ nghỉ, đơn vị thanh toán theo giá thuê phòng thực tế (Có hóa đơn hợp pháp) như sau:

+ Đối với các chức danh: Bí thư, Phó Bí thư, Ủy viên Thường vụ Tỉnh ủy; Chủ tịch, Phó Chủ tịch, Ủy viên Thường trực HĐND tỉnh; Chủ tịch, Phó Chủ tịch UBND tỉnh; Chủ tịch, Phó Chủ tịch UBMTTQVN tỉnh được thanh toán mức thuê phòng ngủ tối đa 350.000 đồng/ngày/phòng;

+ Đối với các chức danh cán bộ, công chức còn lại thanh toán theo mức thuê phòng 300.000 đồng/ngày/phòng/2 người; trường hợp đi công tác một mình hoặc đoàn công tác có lễ người hoặc lễ người khác giới thì được thanh toán theo mức thuê phòng 300.000 đồng/ngày/phòng.

1.3. Thanh toán khoán tiền công tác phí

- Đối với cán bộ xã, phường thường xuyên đi công tác lưu động trên 10 ngày/tháng thì được áp dụng thanh toán công tác phí theo hình thức khoán mức 60.000 đồng/tháng;

- Đối với cán bộ công chức thường xuyên phải đi công tác lưu động trên 10 ngày/tháng (Như văn thư đi gửi công văn, cán bộ kiểm lâm đi kiểm tra rừng, cán bộ y tế đi kiểm tra phòng dịch...) mức khoán tối đa 150.000 đồng/tháng/người.

2. Chế độ chi hội nghị

2.1. Mức tiền ăn

Chi hỗ trợ tiền ăn cho đại biểu là khách mời không hưởng lương từ ngân sách nhà nước theo quy định sau:

- Cuộc họp cấp tỉnh, huyện, thị xã tổ chức: Mức chi hỗ trợ tiền ăn tối đa không quá 50.000 đồng/ngày/người;

- Cuộc họp cấp xã tổ chức: Mức chi hỗ trợ tiền ăn tối đa không quá 20.000 đồng/ngày/người.

2.2. Mức hỗ trợ tiền nghỉ

Chi hỗ trợ tiền nghỉ cho các đại biểu là khách mời không hưởng lương theo mức 80.000 đồng/ngày/người.

2.3. Chi nước uống: Tối đa không quá 3000 đồng/ngày/người.

Các quy định khác không đề cập tại Quyết định này được thực hiện theo quy định Thông tư số 23/2007/TT-BTC ngày 21/3/2007 của Bộ Tài chính.

Điều 2. Giám đốc Sở Tài chính hướng dẫn và kiểm tra việc tổ chức thực hiện Quyết định này.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 01/8/2007.

Những quy định trước đây trái với Quyết định này và Thông tư số 23/2007/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2007 của Bộ Tài chính đều bãi bỏ.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Kho bạc Nhà nước, Thủ trưởng các Sở, Ban ngành, cơ quan đơn vị, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
CHỦ TỊCH
Lê Hữu Phúc

DANH SÁCH CÁC XÃ, THÔN, BẢN THUỘC TỪNG KHU VỰC

**THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ 42/QĐ-UBND NGÀY 23/5/1997
VÀ QUYẾT ĐỊNH SỐ 26/1998/QĐ-UBND NGÀY 18/3/1998
CỦA ỦY BAN DÂN TỘC MIỀN NÚI TỈNH QUẢNG TRỊ**

Huyện	Khu vực I	Khu vực II	Khu vực III
1. Hướng Hóa	1. Xã Tân Lập	1. Xã Hướng Tân	1. Xã Thuận
	2. Xã Tân Liên	2. Xã Tân Lập	2. Xã Hướng Lập
	3. Xã Tân Thành		3. Xã Hướng Việt
	4. Xã Tân Long		4. Xã Hướng Phùng
	5. Thị trấn Khe Sanh		5. Xã Hướng Sơn
	6. Thị trấn Lao Bảo		6. Xã Hướng Linh
			7. Xã Thanh
			8. Xã A Xinh
			9. Xã A Túc
			10. Xã A Dơi
			11. Xã Ba Tầng
			12. Xã Hướng Lộc
			13. Xã Húc
			14. Xã Xi
			15. Bản Ca Túc TT Lao Bảo
			16. Bản Ca Tầng TT Lao Bảo
			17. Bản Khe Đá TT Lao Bảo
			18. Bản Ta Đủ xã Tân Hợp
			19. Bản Chang xã Tân Liên
			20. Bản Liệt xã Tân Thành
			21. Bản Xê Núc xã Tân Long
2. Đakrông		1. Xã Triệu Nguyên	1. Xã Hải Phúc
		2. Xã Ba Lòng	2. Xã Ba Nang
		3. Xã Mò Ó	3. Xã Tà Long
		4. Xã Hướng Hiệp	4. Xã Húc Nghi
		5. Xã Đakrông	5. Xã A Vao
		6. Thị trấn Đakrông	6. Bản Krong xã Hướng Hiệp
		7. Xã Tà Rụt	7. Bản Khe Hiên xã Hướng Hiệp
		8. Xã A Ngo	
		9. Xã A Bung	
3. Cam Lộ		1. Xã Cam Chính	
		2. Xã Cam Nghĩa	
		3. Xã Cam Tuyên	1. Bản Chùa xã Cam Tuyên
		4. Xã Cam Thành	
4. Vĩnh Linh		1. Xã Vĩnh Khê	1. Xã Vĩnh Ô
		2. Xã Vĩnh Hà	
		3. TT Bến Quan	
5. Gio Linh		1. Xã Linh Thượng	1. Bản Khe Me xã Linh Thượng
		2. Xã Hải Thái	
		3. Xã Vĩnh Trường	
Toàn tỉnh	4 xã, 2 thị trấn	19 xã, 2 thị trấn	20 xã, 11 bản